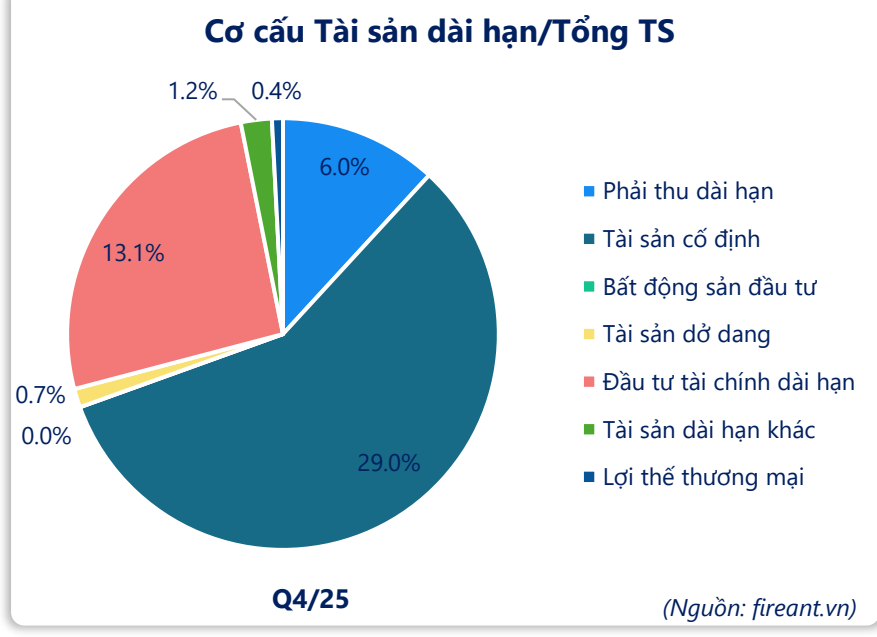
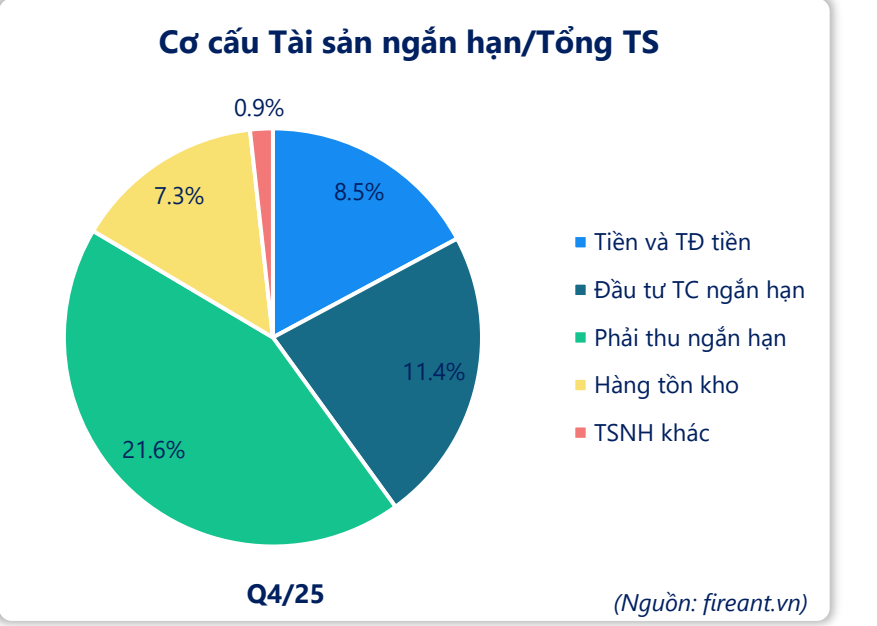
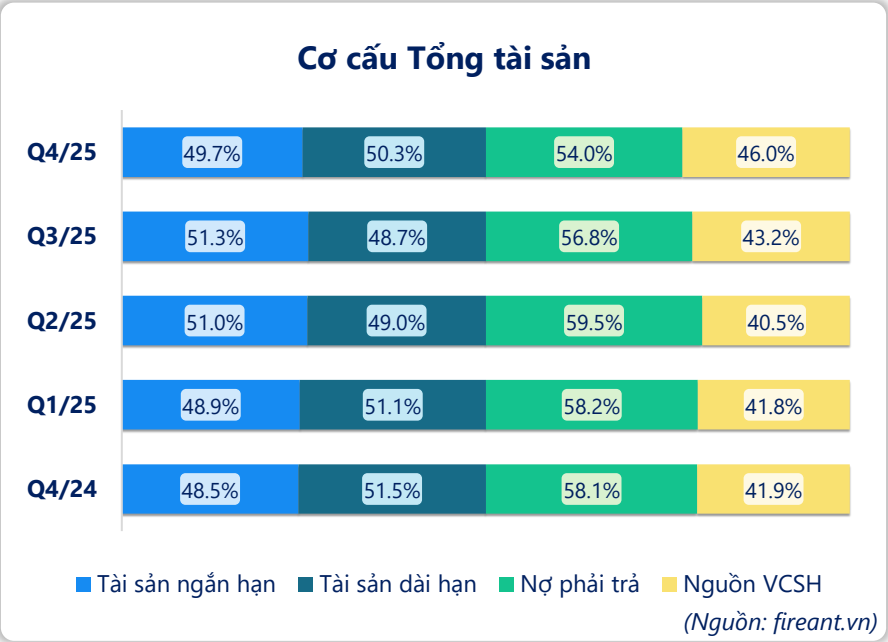
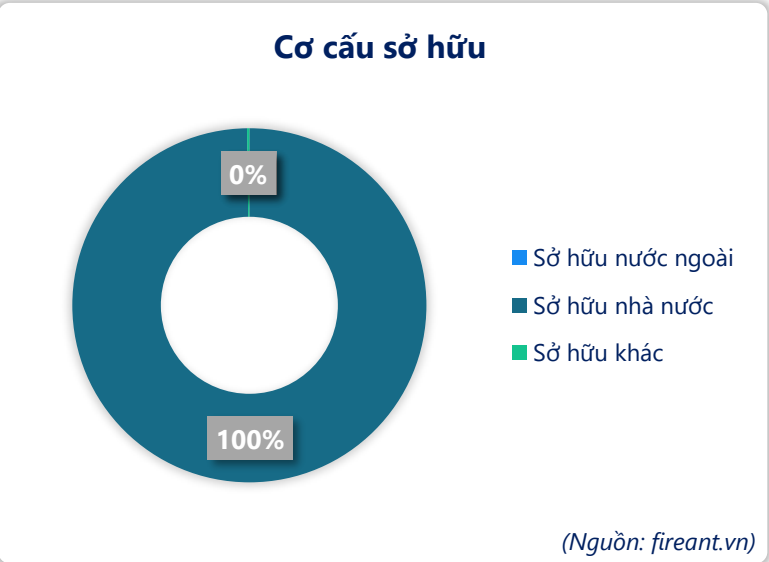
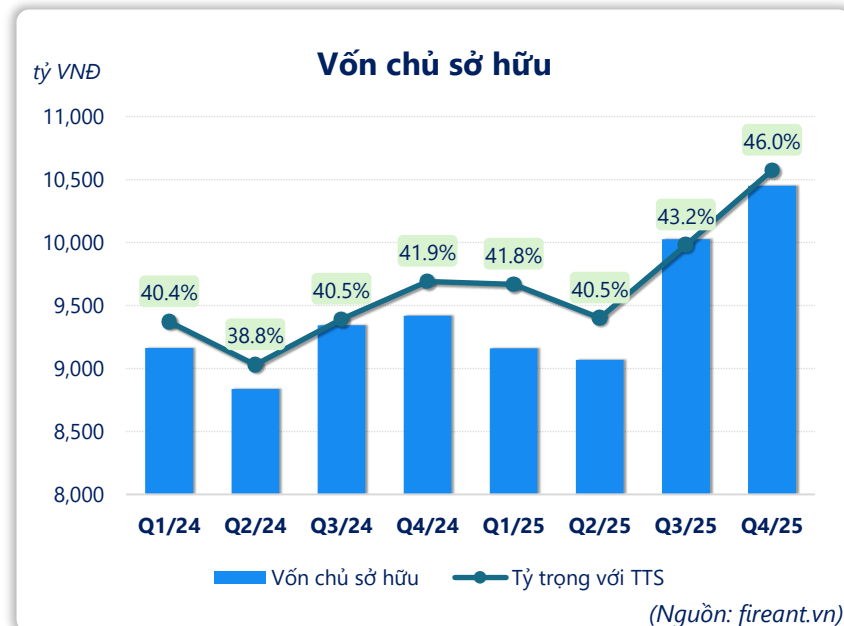
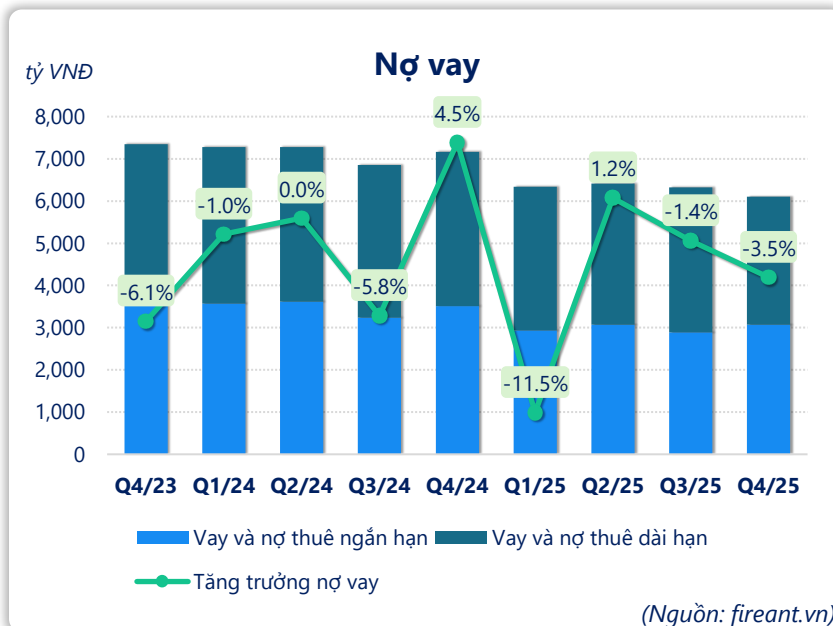
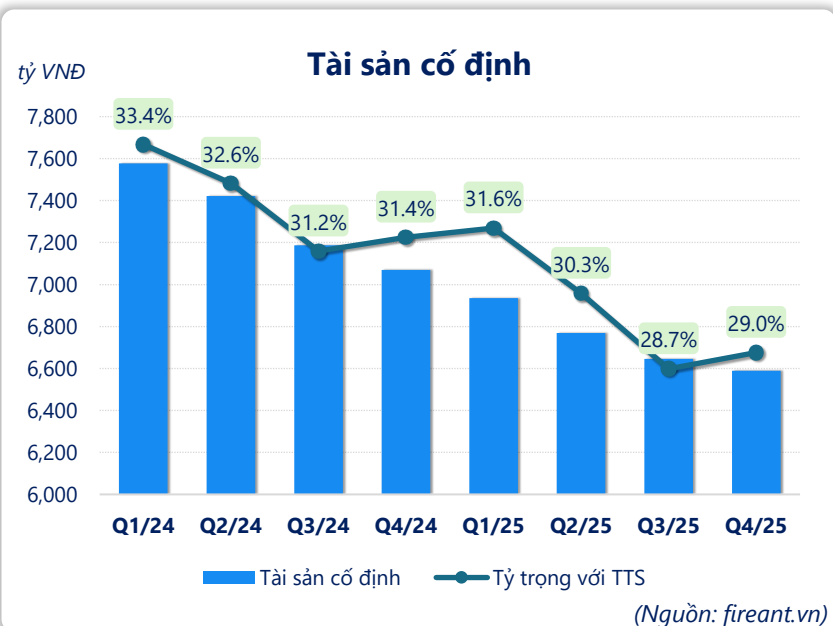
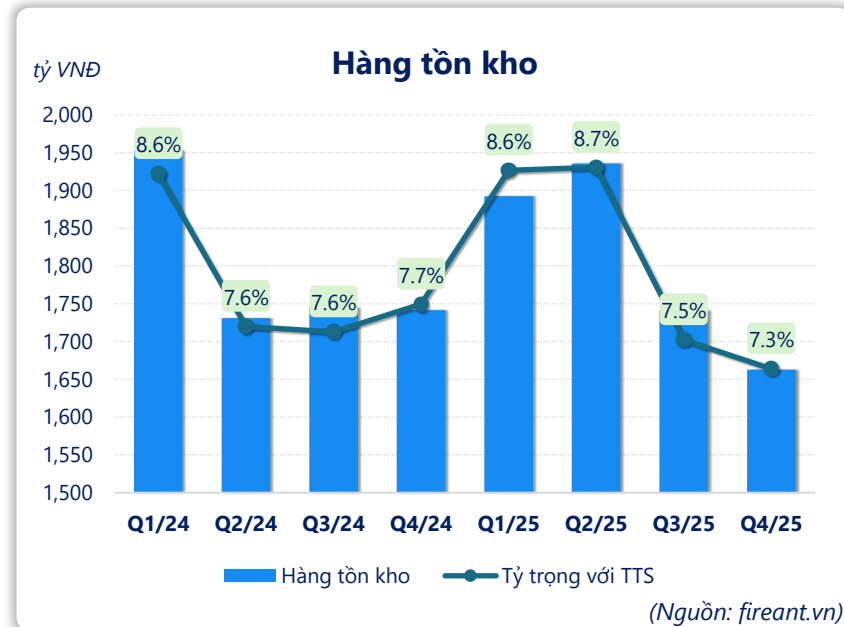
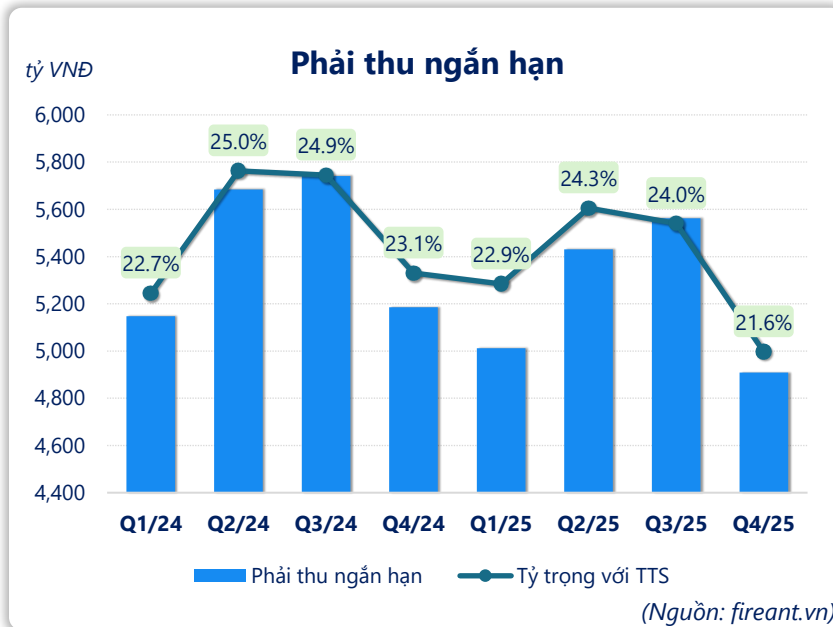
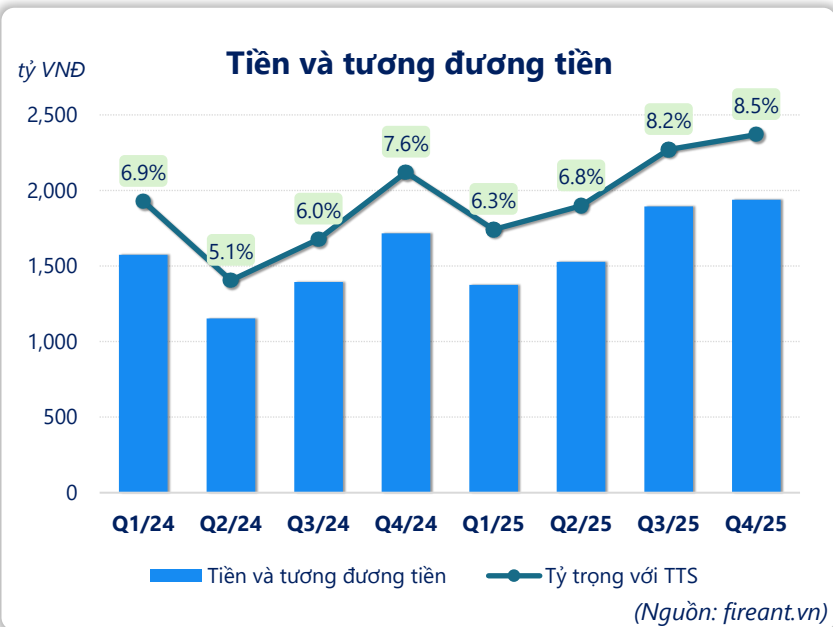
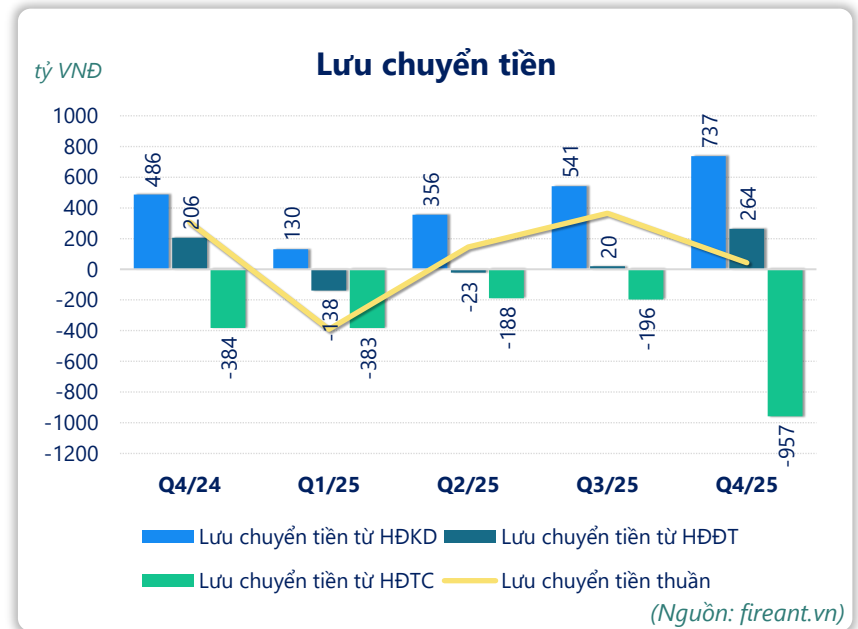
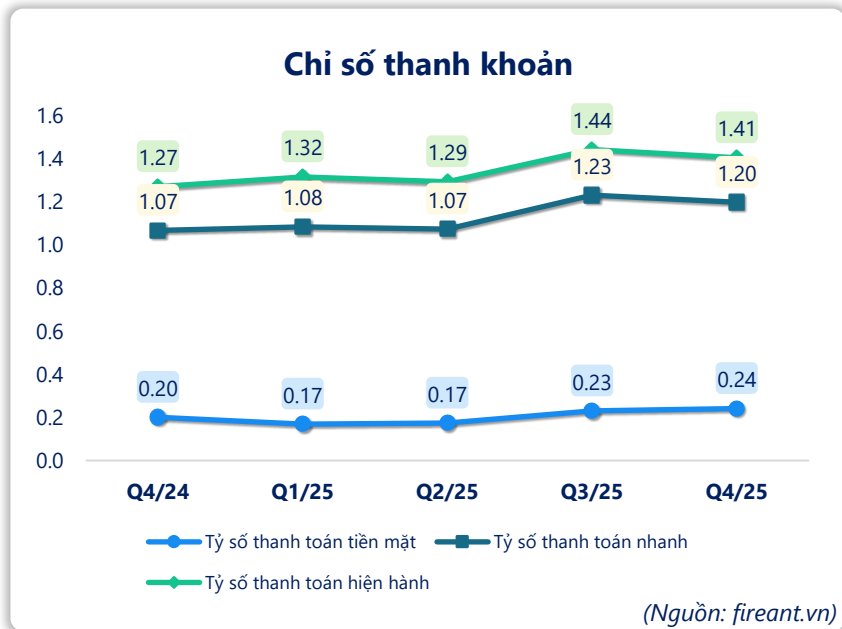
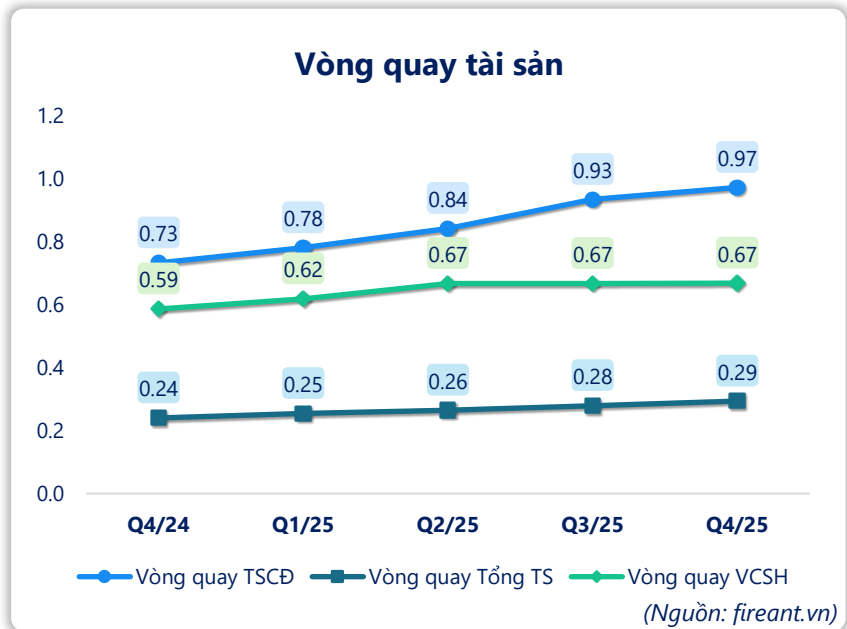
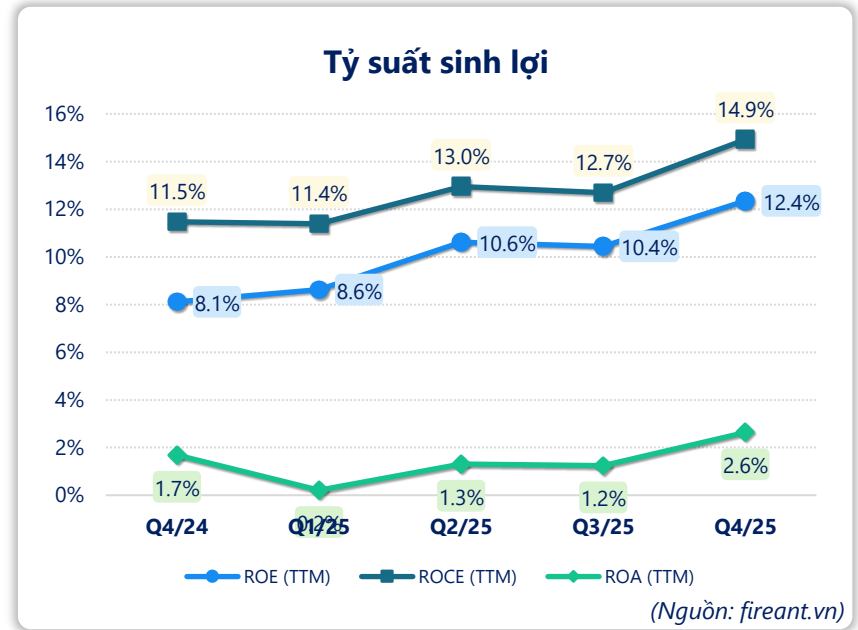
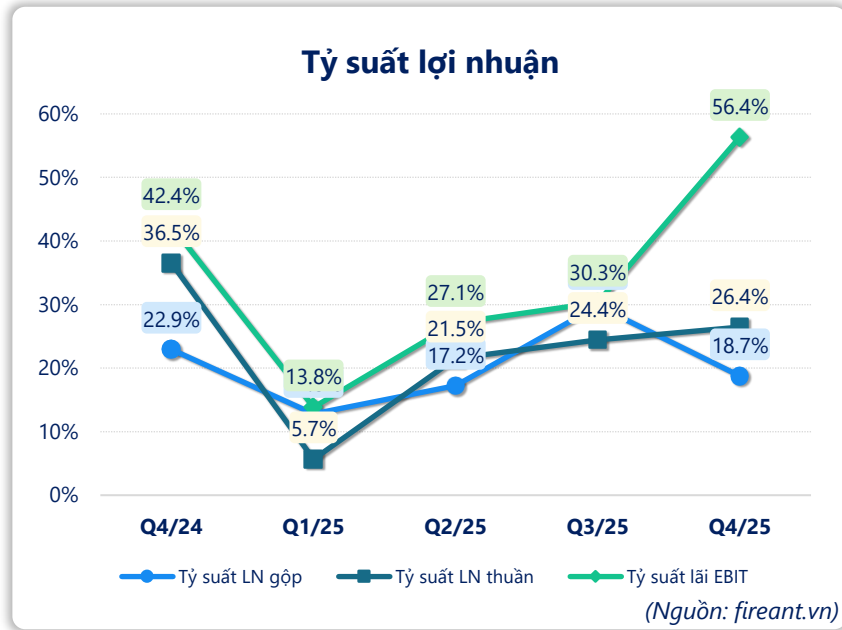
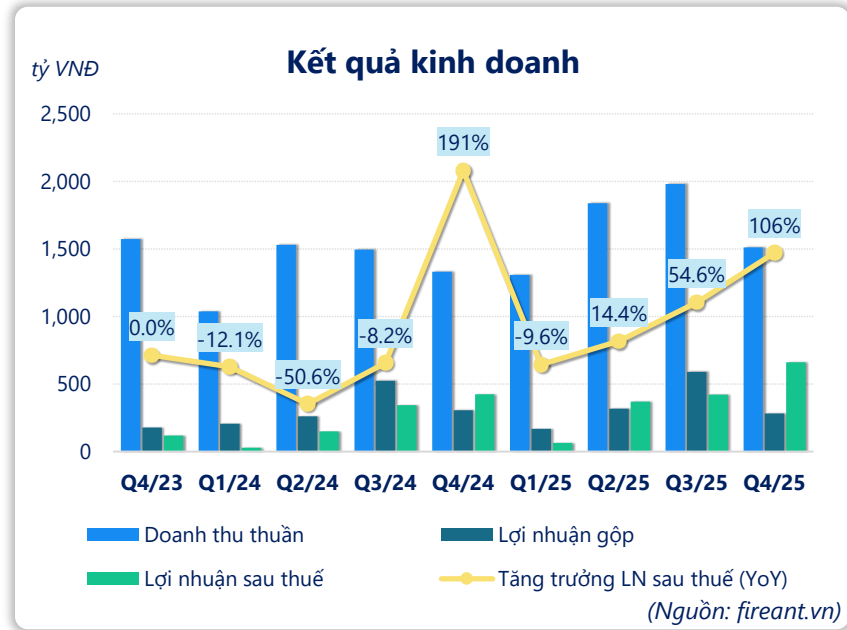


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,674
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,442
SL cổ phiếu LH		449,537,112
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,105
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		8,002
P/E		6.5
EPS		2,729

	YTD	1T	3T	6T
SJG	2.1%	-10.6%	-4.1%	-0.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	22,714	22,259	2.0%
Tài sản ngắn hạn	11,288	10,976	2.8%
Tiền và tương đương tiền	1,937	1,765	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,581	1,992	29.5%
Phải thu ngắn hạn	4,908	5,262	-6.7%
Hàng tồn kho	1,663	1,740	-4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	198	217	-8.4%
Tài sản dài hạn	11,426	11,282	1.3%
Phải thu dài hạn	1,352	1,255	7.8%
Tài sản cố định	6,589	7,069	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	160	205	-21.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,966	2,552	16.2%
Tài sản dài hạn khác	265	145	82.9%
Lợi thế thương mại	93.8	56.3	66.7%
Nợ phải trả	12,263	13,145	-6.7%
Nợ ngắn hạn	8,034	8,579	-6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,074	3,221	-4.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,019	1,155	-11.8%
Nợ dài hạn	4,229	4,566	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,029	3,395	-10.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,451	9,113	14.7%
Vốn chủ sở hữu	10,451	9,113	14.7%
Vốn điều lệ	4,495	4,495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,332	1,307	1,839	1,982	1,512
Giá vốn hàng bán	1,027	1,140	1,523	1,392	1,229
Lợi nhuận gộp	305	167	317	590	283
Doanh thu HĐTC	164	175	153	168	136
Chi phí TC	120	165	201	190	102
Chi phí lãi vay	88.1	104	105	115	83.5
LN trong công ty LKLD	299	0.32	274	0.09	138
Chi phí bán hàng	0.02	0.03	0.03	0.03	0.03
Chi phí QLDN	161	104	148	83.8	55.1
LN thuần từ HĐKD	487	74.0	396	485	400
Lợi nhuận khác	-10.6	2.61	-1.66	1.08	369
LN trước thuế	476	76.6	394	486	769
Lợi nhuận sau thuế	424	63.0	370	422	662
LNST của CĐ cty mẹ	379	47.0	297	288	595

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	486	130	356	541	737
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	206	-138	-22.6	19.6	264
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-384	-383	-188	-196	-957
Tiền đầu kỳ	1,393	1,765	1,375	1,528	1,895
Lưu chuyển tiền thuần	308	-391	146	365	43.3
Ảnh hưởng tỷ giá	14.3	0.41	7.87	2.08	-0.83
Tiền cuối kỳ	1,716	1,375	1,528	1,895	1,937

(Nguồn: fireant.vn)